

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 81/2021/DS-ST  
Ngày: 10-9-2021  
V/v Tranh chấp hợp đồng  
mua bán tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG – TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thơm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Hoa.

Bà Nguyễn Thị Tuyết Dung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phùng Anh Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Ông Đoàn Khắc Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2021, Thông báo dời ngày mở phiên tòa số 50/2021/TB-DPT ngày 19 tháng 7 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 05/2021/TB-MPT ngày 01 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn H (Tên thường gọi: Sáu H), sinh năm 1962 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

**- Bị đơn:** Bà Trần Thị T (Tên thường gọi: Bảy G), sinh năm 1957 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:*

Ông H là chủ cửa hàng vật tư nông nghiệp “Sáu H” tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến năm 2016, ông H có bán vật tư nông nghiệp cho bà Trần Thị T, có tên thường gọi là “Bảy G”. Hai bên mua bán theo hình thức có mua, có trả, trả tiền theo quý. Đến ngày 28/8/2017, hai bên chốt nợ, xác định bà T còn nợ lại số tiền 29.680.000 đồng. Ông H lập văn bản viết tay và bà T ký tên vào. Từ khi chốt nợ cho đến nay, bà T vẫn chưa thanh toán được cho ông H khoản tiền nào. Do đó, ông H khởi kiện, yêu cầu bà T phải trả cho ông số tiền còn nợ là 29.680.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

*Theo Biên bản lấy lời khai và quá trình tố tụng, bị đơn bà Trần Thị T trình bày:*

Bà T thống nhất lời trình bày của ông H về quá trình mua bán vật tư nông nghiệp giữa bà và ông H. Bà T thừa nhận còn nợ ông H số tiền 29.680.000 đồng và xác nhận chữ ký trong Văn bản viết tay ngày 28/8/2017 là của bà. Tuy nhiên, do hoàn cảnh kinh tế hiện tại khó khăn nên bà T xin được trả dần, bằng cách trả mỗi tháng 500.000 đồng, cho đến khi dứt nợ.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn ông H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà T trả số tiền 29.680.000 đồng. Tuy nhiên, về phương án trả nợ, ông H yêu cầu bà T trả số tiền này một lần vào ngày 01/4/2022. Bị đơn bà T thay đổi phương án trả nợ bằng cách trả mỗi tháng 1.000.000 đồng, bắt đầu thực hiện vào tháng 01 năm 2022, đồng thời có yêu cầu được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông phát biểu về việc tuân theo tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự thực hiện đúng trình tự, quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H: Ông H yêu cầu bà T trả số tiền còn nợ là 29.680.000 đồng xuất phát từ hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp giữa hai bên từ năm 2015. Tên thường gọi khi mua bán của ông H là “Sáu H” và bà T là “Bảy G”. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, ông H đã giao nộp 01 Văn bản viết tay ngày 28/8/2017 do ông H viết và bà T ký tên vào. Nội dung thể hiện số tiền còn thiếu 29.680.000 đồng. Lời trình bày của

ông H được bà T thông nhất, đồng thời bà T thừa nhận chữ ký của bà trong Văn bản viết tay do ông H giao nộp. Bà T đồng ý trả số tiền 29.680.000 đồng theo yêu cầu của ông H. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông H là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 430 và Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về lãi suất chậm trả: Hai bên chốt nợ vào ngày 28/8/2017, tuy nhiên ông H không yêu cầu về lãi suất trong khoản thời gian chậm trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ: Bà T xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, bắt đầu thực hiện vào tháng 01 năm 2022 cho đến khi dứt nợ nhưng không được ông H đồng ý. Xét việc xác định thời hạn thực hiện nghĩa vụ do các bên tự thỏa thuận. Việc bà T chậm thanh toán nợ là ảnh hưởng đến quyền lợi của bên có quyền, ông H đưa ra phương án trả nợ là có lợi cho bà T. Do đó yêu cầu của ông H buộc bà T trả tiền vào ngày 01/4/2022 là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông H được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, bà T là người cao tuổi có yêu cầu miễn nộp án phí nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

[6] Xét ý kiến và đề nghị của Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

Buộc bà Trần Thị T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền 29.680.000 đồng (*Hai mươi chín triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng*), thời gian thực hiện vào ngày 01/4/2022.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. **Án phí:**

Bà Trần Thị T được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 742.000 đồng theo biên lai thu số 49780 ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thơm**